

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2011

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 23

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo của mình cùng với cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 01 năm 2010.

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).
Số lượng cổ phần 10.000.000 cổ phần

- Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3943 5447

Fax : (84-08) 3943 5466

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

Mã chứng khoán HMH

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 2 2 4 1 6

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0 3 1 3 9 7 9 9 4 6

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 5 9 0 0 7

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39.435.440

Fax : (84-8) 39.435.441

Mã số thuế : 0 3 0 3 9 0 1 7 3 3

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 7 5 7 5

Điện thoại : (84 4) 39 33 11 99

Fax : (84 4) 39 33 19 19

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh:

Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 3826 7654

Fax : (84 - 08) 3943 5498

Mã số thuế : **0 3 1 0 3 1 6 1 3 0**

- Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 23).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Thành Chương	Ủy viên
4.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
6.	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban Giám đốc

- Ông Nguyễn Quốc Hùng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Hưng Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính kỳ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Số: 0095/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hải Minh đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012



VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV



VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.279.159.440	43.670.286.981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	34.859.981.759	24.365.274.487
1. Tiền	111		2.859.981.759	2.865.274.487
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	21.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.623.466.805	18.465.064.911
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	15.962.042.588	13.963.566.811
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	2.298.811.668	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	1.362.612.549	4.501.498.100
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		795.710.876	839.947.583
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	121.207.823	557.182.531
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		390.857.176	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	283.645.877	282.765.052
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.959.708.186	67.501.887.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.760.214.935	17.610.949.934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	16.760.214.935	17.610.949.934
<i>Nguyên giá</i>	222		27.284.208.977	27.018.427.726
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.523.994.042)	(9.407.477.792)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		17.000.000	17.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.000.000)	(17.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.9	54.640.094.357	49.496.512.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		41.453.764.357	35.810.182.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.386.330.000	6.386.330.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	7.300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.559.398.894	394.425.397
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10	1.343.718.036	133.178.619
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	215.680.858	261.246.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.238.867.626	111.172.174.812

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

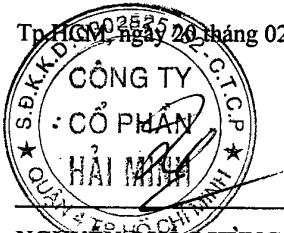
Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

		Đơn vị tính: VND		
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		24.263.726.058	14.216.178.064
I. Nợ ngắn hạn	310		24.134.153.005	14.045.100.011
1. Phải trả người bán	312	VI.12	16.001.995.603	11.945.128.808
2. Người mua trả tiền trước	313		5.589.260	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	2.067.459.859	1.314.526.594
4. Phải trả người lao động	315		432.869	8.826.474
5. Chi phí phải trả	316		16.450.000	29.540.272
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	5.544.093.465	95.987.914
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		97.186.826	326.544.826
8. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		400.945.123	324.545.123
II. Nợ dài hạn	330		129.573.053	171.078.053
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		129.573.053	171.078.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.975.141.568	96.955.996.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	103.975.141.568	96.955.996.748
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.574.960.000	56.163.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	19.339.670.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.571.898.630)	(1.901.520.795)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		742.424.655	742.424.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.037.050.069	1.880.650.069
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.264.095.474	20.730.972.819
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.238.867.626	111.172.174.812


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)		90.372,12	29.253,65
- Dollar Singapore (SGD)		402,50	1.750,00

Tp. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh với số liệu năm 2010)


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	34.539.770.800	33.461.292.668
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.539.770.800	33.461.292.668
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	23.822.213.166	25.328.039.174
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.717.557.634	8.133.253.494
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	26.761.464.758	24.671.330.663
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	196.133.034	121.294.270
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8 Chi phí quản lý kinh doanh	24	VII.5	4.634.086.913	3.753.261.784
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.648.802.445	28.930.028.103
10 Thu nhập khác	31	VII.6	1.298.725.052	124.846.806
11 Chi phí khác	32	VII.7	206.834.603	45.205.881
12 Lợi nhuận khác	40		1.091.890.449	79.640.925
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.740.692.894	29.009.669.028
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VII.8	2.119.277.310	2.265.748.959
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.621.415.584</u>	<u>26.743.920.069</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			5.612.593	5.439.072
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	VII.9		<u>5.634,01</u>	<u>4.917,00</u>

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

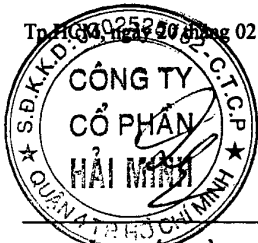
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		33.740.692.894	29.009.669.028
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.234.665.103	3.224.393.884
- Các khoản dự phòng	03		-	(949.050.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(27.095.323)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.462.701.169)	(24.623.780.405)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		16.485.561.505	6.661.232.507
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.709.908.578)	(5.033.685.386)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	265.534.500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		8.418.578.023	10.265.196.384
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(774.564.709)	(339.601.794)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.248.940.249)	(1.719.332.352)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	88.026.674
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.554.167.090)	296.957.126
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		19.616.558.902	10.484.327.659
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.383.930.104)	(1.447.424.510)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.220.000.000	124.545.454
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.643.581.857)	(5.659.300.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		500.000.000	4.415.810.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.448.035.772	21.914.219.479
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		13.140.523.811	19.347.850.423
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.670.377.835)	(1.901.520.795)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.619.092.929)	(16.671.550.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(22.289.470.764)	(18.573.070.795)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		10.467.611.949	11.259.107.287
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		24.365.274.487	13.106.167.200
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		27.095.323	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	VI.1	34.859.981.759	24.365.274.487

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến.
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.
4. Công ty con, Công ty liên kết

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	100%
3	Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	55,29%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	49,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2011 là năm tài chính thứ 10 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế theo qui định của luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động tài chính được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	315.753.391	152.018.023
Tiền VND	279.950.963	78.837.677
SGD qui đổi VND	6.434.948	24.124.548
USD qui đổi VND	29.367.480	49.055.798
(b) Tiền gửi ngân hàng	34.544.228.368	24.213.256.464
Tiền VND	691.283.158	2.206.907.818
Cty CP chứng khoán ANPHA-APSC	9.113.713	9.113.713
Cty TNHH chứng khoán NHNN&PTNT	1.258.312	1.151.549
NH BIDV	168.191.322	2.032.928.868
NH TMCP Hàng Hải (MSB)	506.053.761	158.489.369
NH TNHH Indovina (IVB)	6.666.050	5.224.319
Tiền USD quy đổi sang VND	1.852.945.210	506.348.646
NH BIDV	85.348.213	351.137.105
NH TMCP Hàng Hải (MSB)	1.751.236.215	2.653.131
NH TNHH Indovina (IVB)	16.360.782	152.558.410
Các khoản tương đương tiền	32.000.000.000	21.500.000.000
NH BIDV	4.000.000.000	-
NH TMCP Hàng Hải (MSB)	18.000.000.000	21.500.000.000
NH VID Public - SGD Hà Nội	10.000.000.000	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	34.859.981.759	24.365.274.487

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty LD Khai thác container Việt Nam - CN TP HCM	1.190.511.705	816.286.526
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	2.249.234.274	1.876.993.999
Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam)	2.529.207.155	4.273.171.500
Công ty CP Vận tải biển container VINALINES	170.575.000	612.400.000
Công ty TNHH HANJIN SHIPPING VIETNAM	2.211.496.681	1.453.530.000
YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	235.603.200	1.214.421.000
Các Công ty khác	7.375.414.573	3.716.763.786
Cộng	<u>15.962.042.588</u>	<u>13.963.566.811</u>

3. Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu

Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	1.911.045.342	-
<i>SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.</i>	384.766.326	-
Công ty Luật Hợp Danh Vạn Khánh	3.000.000	-
Cộng	<u>2.298.811.668</u>	<u>-</u>

4. Các khoản phải thu khác

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	532.284.494	500.000.000
Teguh Basuseto	409.478.000	67.183.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	3.811.147.443
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	348.055.557	118.862.957
Khác	72.794.498	4.304.700
Cộng	<u>1.362.612.549</u>	<u>4.501.498.100</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển	
			vào phí	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	154.598.812	30.681.030	176.523.258	8.756.584
Chi phí sửa chữa	302.563.616	135.513.637	424.796.117	13.281.136
Chi phí công cụ dụng cụ	100.020.103	20.990.000	21.840.000	99.170.103
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	-	1.498.660.899	1.498.660.899	-
Chi phí khác	-	137.147.750	137.147.750	-
Cộng	<u>557.182.531</u>	<u>1.822.993.316</u>	<u>2.258.968.024</u>	<u>121.207.823</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng		
Ông Trần Minh Nghĩa	58.697.000	42.226.890
Ông Phan Khánh	-	133.752.301
Ông Nguyễn Thành Trung	28.223.073	20.000.000
Ông Nguyễn Tấn Quang	43.230.000	37.520.000
Cá nhân khác	153.495.804	49.265.861
Cộng	<u><u>283.645.877</u></u>	<u><u>282.765.052</u></u>

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	26.862.255.980	156.171.746	27.018.427.726
2. Tăng trong năm	2.262.347.377	121.582.727	2.383.930.104
3. Giảm trong năm	2.118.148.853	-	2.118.148.853
4. Số cuối năm	<u>27.006.454.504</u>	<u>277.754.473</u>	<u>27.284.208.977</u>
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	9.325.463.444	82.014.348	9.407.477.792
2. Tăng trong năm	3.184.827.288	49.837.815	3.234.665.103
3. Giảm trong năm	2.118.148.853	-	2.118.148.853
4. Số cuối năm	<u>10.392.141.879</u>	<u>131.852.163</u>	<u>10.523.994.042</u>
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	17.536.792.536	-	17.610.949.934
2. Số cuối năm	<u>16.614.312.625</u>	<u>145.902.310</u>	<u>16.760.214.935</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 936.804.219 VND

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	17 000 000	17 000 000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	<u>17 000 000</u>	<u>17 000 000</u>
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu năm	-	-
2. Tăng trong năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	-	-
III. Giá trị còn lại		-
1. Số đầu năm	17 000 000	17 000 000
2. Số cuối năm	17 000 000	17 000 000

9. Đầu tư tài chính dài hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào Công ty con	41.453.764.357	35.810.182.500
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát (96,08%)</i>	<i>24.500.000.000</i>	<i>24.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng (100%)</i>	<i>15.643.581.857</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam (55,29%)</i>	<i>1.310.182.500</i>	<i>1.310.182.500</i>
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	6.386.330.000	6.386.330.000
<i>Công ty TNHH "K" Line Việt Nam</i>	<i>3.902.030.000</i>	<i>3.902.030.000</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh</i>	<i>2.484.300.000</i>	<i>2.484.300.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	7.300.000.000
<i>Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
Cộng	54.640.094.357	49.496.512.500

10. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Kết chuyển vào phí</i>	<i>Số cuối năm</i>
Chi phí sửa chữa	31.056.142	75.272.727	15.528.072	90.800.797
Chi phí thiết kế văn phòng	-	195.776.456	106.787.160	88.989.296
Chi phí công cụ dụng cụ	102.122.477	-	41.553.286	60.569.191
Chi phí thi công mặt bằng bãi Rạch Chiếc	-	1.471.145.000	367.786.248	1.103.358.752
Cộng	133.178.619	1.742.194.183	531.654.766	1.343.718.036

11. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ thuê văn phòng	215.680.858	261.246.778
Cộng	215.680.858	261.246.778

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dongbu Express	-	1.462.849.960
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	3.273.773.194	10.068.571.023
Công ty TNHH KS Minh Trung Quốc Tế	1.615.000.000	-
Công ty TNHH Tân Cảng Sài Gòn	5.763.133.874	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long	3.017.714.083	-
Các khoản phải trả khác	2.332.374.452	413.707.825
Cộng	<u>16.001.995.603</u>	<u>11.945.128.808</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Chỉ tiêu	<u>Số còn phải nộp đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Số còn phải nộp cuối năm</u>
I.	Thuế	1.314.526.594	4.153.875.772	3.446.959.145	2.021.443.221
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	85.142.096	535.595.380	620.737.476	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.083.611.311	2.119.277.310	1.248.940.249	1.953.948.372
3.	Các loại thuế khác	145.773.187	1.499.003.082	1.577.281.420	67.494.849
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>107.555.454</i>	<i>1.110.230.647</i>	<i>1.200.039.202</i>	<i>17.746.899</i>
	<i>Thuế nhà Thầu</i>	<i>38.217.733</i>	<i>385.772.435</i>	<i>374.242.218</i>	<i>49.747.950</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
II.	Các khoản phải trả phải nộp khác	-	385.920.546	339.903.908	46.016.638
	Các khoản khác	-	385.920.546	339.903.908	46.016.638
	Tổng cộng	<u>1.314.526.594</u>	<u>4.539.796.318</u>	<u>3.786.863.053</u>	<u>2.067.459.859</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ trong nước

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.12)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại hình khác nhau, có thể được giải thích nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	116.612.000	-
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD	5.142.217.618	-
Khác	285.263.847	95.987.914
Cộng	5.544.093.465	95.987.914

15. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	-	742.424.655	1.230.650.069	12.746.865.328	90.223.410.052
Tăng vốn trong năm trước	-	-	(1.901.520.795)	-	-	-	(1.901.520.795)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	26.743.920.069	26.743.920.069
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(16.671.550.000)	(16.671.550.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	650.000.000	(2.088.262.578)	(1.438.262.578)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	742.424.655	1.880.650.069	20.730.972.819	96.955.996.748
Số dư đầu năm nay	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	742.424.655	1.880.650.069	20.730.972.819	96.955.996.748
Tăng vốn trong kỳ	17.411.160.000	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	31.621.415.584	31.621.415.584
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(19.619.092.929)	(19.619.092.929)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(3.469.200.000)	(2.312.800.000)
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	(17.411.160.000)
Số dư cuối năm nay	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	742.424.655	3.037.050.069	29.264.095.474	103.975.141.568

Việc phân phối quỹ căn cứ vào nghị quyết số 21/NQ-ĐHCĐ ngày 27/03/2011 Đại hội Cổ Đông thường niên.

Mức trích lập như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ
Chi trả cổ tức	25%
Quỹ dự phòng tài chính	3%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3%
Quỹ hoạt động Hội đồng quản trị	3%
Cộng	34%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.616.380	5.616.380
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.438.790	5.438.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	130.200	84.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	130.200	84.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được bán ra	1.741.116	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.741.116	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.227.296	5.531.480
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.049.706	5.353.890
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	14.069.635.454	17.325.698.950
Khai thác cảng	9.932.103.469	9.475.137.057
Dịch vụ đại lý	10.402.230.811	6.168.808.591
Doanh thu dịch vụ khác	135.801.066	491.648.070
Cộng	34.539.770.800	33.461.292.668

2. Giá vốn hàng bán

Vận tải đường sông	14.514.292.565	17.764.443.282
Khai thác cảng - Kiểm đếm, giao nhận	6.002.220.635	6.025.994.869
Dịch vụ đại lý	3.305.699.966	1.537.601.023
Cộng	23.822.213.166	25.328.039.174

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi đầu tư Công ty liên kết	15.379.710.994	9.114.321.370
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.292.335.772	1.749.145.159
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	685.380.458	970.561.184
Lãi đầu tư từ Công ty con	6.404.024.034	11.050.752.950
Đầu tư chứng khoán	13.500	1.786.550.000
Cộng	<u>26.761.464.758</u>	<u>24.671.330.663</u>

4. Chi phí tài chính

Chênh lệch tỷ giá	149.956.554	27.066.550
Đầu tư chứng khoán	46.176.480	94.227.720
Cộng	<u>196.133.034</u>	<u>121.294.270</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.956.670.381	1.304.959.972
Chi phí vật liệu quản lý	87.147.750	84.789.450
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.075.754	157.118.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	174.304.494	110.530.731
Thuế, phí, lệ phí	43.690.075	32.949.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.289.867	1.635.941.722
Chi phí bằng tiền khác	323.908.592	426.972.042
Cộng	<u>4.634.086.913</u>	<u>3.753.261.784</u>

6. Thu nhập khác

Thanh lý tài sản cố định	1.220.000.000	121.545.454
Thu khoản nợ không xác định được chủ nợ	78.725.052	-
Khác	-	301.352
Cộng	<u>1.298.725.052</u>	<u>121.846.806</u>

7. Chi phí khác

Thanh lý tài sản cố định	205.334.603	-
Phạt chậm nộp thuế	1.500.000	44.904.529
Khác	-	301.352
Cộng	<u>206.834.603</u>	<u>45.205.881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận trước thuế.	<u>33.740.692.894</u>
Các khoản điều chỉnh	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế.</i>	153.198.190
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế</i>	21.783.735.028
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm.	12.110.156.056
<i>Thuế suất 25%.</i>	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.	3.027.539.014
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo thông tư 154/TT/BTC ngày 11/11/2011	<u>908.261.704</u>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm.	<u>2.119.277.310</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	5.308.590
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	1.741.116
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	5.612.593
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	<u>31.621.415.584</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>5.634,01</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2011 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Phải thu			
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	3.649.133.682
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu giao nhận (thu hộ SAMUDERA)	12.876.008.938
Công ty tiếp vận Hoàng Nam	Công ty con	Doanh thu khai thác cảng	173.195.950
Công ty tiếp vận Hoàng Nam	Công ty con	Phải thu khoản LN được chia từ LD Hoàng Nam theo BB hợp HĐQT Hoàng Nam (29.268,98 USD * 19.080 VND)	828.310.994

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Phải thu từ đơn vị Công ty TNHH TV Nam Phát phần lợi nhuận sau thuế theo BCTC (kiểm toán năm 2010)	2.673.528.370
Công ty tiếp vận Hải Minh Hải Phòng	Công ty con	DT từ đơn vị thành viên (MTV Hải Minh HP năm 2010)	3.480.495.664
Phải trả			
Công ty tiếp vận Hải Minh Hải Phòng	Công ty con	Giảm lãi do trả cổ tức đợt 2/2011 (5%) cho CĐ chưa lưu ký phía bắc	116.612.000
Công ty tiếp vận Hoàng Nam	Công ty con	Thuê phương tiện vận tải	390.378.500
Công ty tiếp vận Nam Phát			3.748.680

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Phải thu

Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	264.908.200
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	2.247.094.074
Công ty tiếp vận Hoàng Nam	532.284.494

Phải trả

Công ty tiếp vận Hoàng Nam	70.806.500
Công ty tiếp vận Nam Phát	2.368.680
Công ty tiếp vận Hải Minh Hải Phòng	116.612.000

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng